

VP Sao.

PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TẠP CHÍ DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Số 162-BC-DĐDN

BÁO CÁO

TỔNG HỢP CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CỦA CÁC DOANH NGHIỆP, HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TẠI DIỄN ĐÀN: ĐẦU TƯ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH LANG SON PHÁT TRIỂN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐẾN
Số:.....
Ngày:.....
..... Là cơ
Chuyên:..... (VCCL)

..... Là cơ quan ngôn luận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chuyên (VCCL), Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức **Diễn đàn "Đầu tư phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc"**. Diễn đàn nhằm đưa ra những giải pháp để phát huy hơn nữa lợi thế của khu vực, thị trường, vấn đề đánh giá cơ hội, kêu gọi, phân bổ nguồn lực đầu tư, lựa chọn trọng điểm đầu tư phù hợp lợi thế, đặc biệt là kết nối giữa các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế vùng, giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư nói chung trong và ngoài nước, với các nhà quản lý, sẽ gia tăng sức ảnh hưởng và hướng đến tính hiệu quả lan tỏa đầu tư của Vùng Trung du và Miền núi Phía Bắc...

Bên cạnh đó, Diễn đàn còn giúp Ban Kinh tế Trung ương có thêm nguồn tư liệu và dữ liệu quý giá để hoàn thiện Đề án: "Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 1/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020". Trên cơ sở đó, tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị về những quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp lớn nhằm phát triển vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tham dự diễn đàn có các đồng chí: Hầu A Lệnh - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ; PGS.TS Nguyễn Hồng Sơn - Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương; Tiến sĩ Vũ Tiến Lộc - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh các tỉnh trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Tham gia diễn đàn còn có các chuyên gia, diễn giả thuộc các Bộ, ngành Trung ương; đại diện các hội, hiệp hội doanh nghiệp và hơn 200 doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu trong vùng trung du và miền núi phía Bắc.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

1. Điều kiện tự nhiên

Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị là nghị quyết về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du, miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, 14 Tỉnh bao gồm Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình và các huyện phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

Điều kiện tự nhiên của vùng thuận lợi cho phát triển thủy điện, điển hình là thủy điện Sơn La; thủy điện Hòa Bình; thủy điện Tuyên Quang; ngoài ra vùng có nhiều tiềm năng để phát triển nuôi thủy sản nước lạnh có giá trị, phát triển các loại hình du lịch gắn với bản sắc văn hóa dân tộc vùng cao...

Là một trong 06 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Đây là vùng đảm bảo về an ninh môi trường sinh thái, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước và quốc phòng, an ninh của nước ta; Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ còn là vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế cho phát triển nhanh và bền vững như nằm trên hành lang kinh tế Bắc - Nam thuộc hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS); là một trong những cửa ngõ thông ra biển và kết nối với ASEAN của các tỉnh miền Tây Trung Quốc; nhiều cửa khẩu với nước láng giềng có thị trường lớn; tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú; có nhiều di sản văn hoá đặc sắc, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số.

2. Điều kiện kinh tế xã hội

a) Dân số và lao động: Dân số vùng trung du miền núi phía Bắc năm 2020 đạt 12,73 triệu người, chiếm 13% dân số cả nước; mật độ dân số ước tính đạt 134

người/km², trong đó một số địa phương có mật độ dân số đông là Bắc Giang 473 người/km²; Phú Thọ 419 người/km²; Thái Nguyên 371 người/km².

Năm 2020, toàn vùng có 7,8 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên, chiếm 14,3% lực lượng lao động của cả nước và chỉ cao hơn vùng Tây Nguyên (3.452,9 nghìn người). Trong vùng, Bắc Giang là địa phương có lực lượng lao động đông nhất với 1.140,5 nghìn người do tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất nhờ thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ của Vùng hiện ở mức thấp.

Thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đã thúc đẩy tạo việc làm, giảm nghèo của Vùng trung du miền núi phía Bắc. Năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động toàn Vùng ở mức 0,95%, giảm 0,25 điểm phần trăm so với năm 2015. Đây là tỷ lệ thấp nhất so với các vùng khác và thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước (2,48%).

b) Giáo dục: Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, trong những năm qua, đặc biệt là những năm gần đây giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã có rất nhiều khởi sắc. Mạng lưới, quy mô trường lớp được củng cố, phát triển đáp ứng được nhu cầu học tập của con em đồng bào người dân tộc thiểu số, miền núi. Năm 2020, toàn Vùng có 5.018 trường học phổ thông, tăng 52 trường so với năm 2019; số học sinh bình quân một lớp học ngày càng tăng. Một số tỉnh có số học sinh bình quân một lớp học cao là: Bắc Giang, Yên Bái, Phú Thọ cùng đạt 34 học sinh/lớp học; Thái Nguyên đạt 33 học sinh/lớp học; Tuyên Quang và Sơn La đạt 30 học sinh/lớp học. Một số tỉnh đạt thấp: Cao Bằng 22 học sinh/lớp học; Bắc Kạn 25 học sinh/lớp học; Lạng Sơn 26 học sinh/lớp học.

c) Tỷ lệ nghèo: Công tác an sinh xã hội trong vùng được quan tâm, đảm bảo, thực hiện đầy đủ các chính sách để góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tuy nhiên vùng TDMNPB là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước mặc dù tỷ lệ nghèo hàng năm giảm. Năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn vùng là 16,4%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước (5,7%), giảm 6,6 điểm phần trăm so với năm 2016. Một số tỉnh có

tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao so với tỷ lệ hộ nghèo chung toàn vùng là: Điện Biên 39,9%, giảm 14 điểm phần trăm so với năm 2016; Lai Châu 33%, giảm 11,3 điểm phần trăm; Sơn La 33%, giảm 9,8 điểm phần trăm; Hà Giang 29,1%, giảm 10,7 điểm phần trăm; Cao Bằng 28,5%, giảm 8,8 điểm phần trăm; Bắc Kạn 22,5%, giảm 7,2 điểm phần trăm. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2017-2019, tỷ lệ hộ nghèo của toàn vùng giảm 2,2 điểm phần trăm, chưa đạt mục tiêu đặt ra trong Kết luận 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị (giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3%-4%).

3. Đầu tư của Nhà nước cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc

Thời gian qua, vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước với nhiều chương trình, dự án lớn. Trung bình mỗi năm, khu vực này chiếm 1/4 lượng vốn đầu tư của Nhà nước.

Điển hình phải kể đến 3 chương trình mục tiêu lớn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Nghị quyết 120 của Quốc hội về Chương trình tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Đáng chú ý, giai đoạn 2021-2025, Đảng và Nhà nước tập trung đầu tư rất lớn cho các tỉnh miền núi, trong đó có các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Thông tin tại Diễn đàn cũng cho biết, hiện nay, Ủy ban Dân tộc đang phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị tích cực báo cáo nghiên cứu khả thi và trình Thủ tướng Chính phủ để quyết định đầu tư cho 51 tỉnh miền núi có đồng bào dân tộc sinh sống vào tháng 6 năm nay và sẽ trình Quốc hội để bố trí nguồn lực vào tháng 7.

Theo dự kiến của chương trình, nguồn lực đầu tư cho cả giai đoạn khoảng 157 nghìn tỷ đồng của 51 tỉnh trên cả nước, trong đó riêng vùng Trung du và miền núi phía Bắc được đầu tư khoảng gần 80 nghìn tỷ. Đây là sự đầu tư đặc biệt của Đảng, Nhà nước tới khu vực này.

Không chỉ có nguồn vốn của Nhà nước hỗ trợ, mà khu vực Trung du và miền núi phía Bắc còn được đầu tư, quan tâm bởi các chương trình, dự án khác.

Theo Thống kê của Tổng cục Thống kê (Bộ KH&ĐT) chỉ tính riêng trong năm 2020, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành của vùng đạt 278,3 nghìn tỷ đồng, gấp 1,2 lần so với năm 2015.

Vốn đầu tư nước ngoài vào các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc cũng ngày càng tăng lên. Theo đó, năm 2019, số dự án đầu tư nước ngoài của cả vùng đạt 148 dự án. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tổng số dự án đầu tư vào vùng chỉ đạt 79 dự án, giảm hơn 46% so với năm 2019, tổng vốn cấp mới đạt hơn 1.106 triệu USD, giảm hơn 27%.

Bên cạnh đó, chương trình dạy nghề, tạo việc làm cho người dân các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cũng được đặc biệt quan tâm. Theo đó, năm 2020, tỷ lệ lao động trong vùng được đào tạo, có bằng cấp chuyên môn kỹ thuật từ 3 tháng trở lên ước tính đạt 19,7%, tăng 2,1 điểm phần trăm so với năm 2015.

Trong những năm qua, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, việc thu hút các nhà đầu tư lớn đến với Vùng Trung du và miền núi Phía Bắc đang được các tỉnh đẩy mạnh triển khai nhằm mang lại cơ hội cho cả nhà đầu tư và sự phát triển của vùng. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của Vùng chưa tương xứng với tiềm năng, vì vậy rất cần sự định hướng sát sao hơn nữa của Đảng và Nhà nước cũng như sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

II. Một số kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015-2020

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn vùng

- Quy mô và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn vùng trung du MNPB

Năm 2020, quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn của Vùng đạt 689,2 nghìn tỷ đồng, gấp 1,71 lần năm 2015. Một số địa phương trong vùng có quy mô GRDP cao như Thái Nguyên 125,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,2% tổng GRDP của toàn vùng; Bắc Giang 121,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,6% do đây là những địa phương thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài trong thời gian qua. Bắc Kạn, Cao Bằng, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái là những địa phương có quy mô GRDP nhỏ, chỉ chiếm từ 1,9% đến 4,8% quy mô GRDP toàn vùng. Nhìn chung, quy mô GRDP

của Vùng TDMNPB tương đối nhỏ, bên cạnh đó quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng theo hướng tích cực nhưng vẫn còn chậm. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 chiếm 19,94% GRDP của toàn vùng, giảm 2,7 điểm phần trăm so với năm 2015; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 40,44%, tăng 5,99 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 34,73%, giảm 2,74 điểm phần trăm. Ngành Dịch vụ trong vùng tái cơ cấu chậm do đầu tư phát triển hạ tầng thương mại còn hạn chế, lợi thế kinh tế biên mậu, cửa khẩu chưa được phát huy.

- Tốc độ tăng GRDP vùng TDMNPB

Bình quân trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh 2010 của Vùng đạt 8,37%/năm. Một số vùng có tốc độ tăng GRDP bình quân cao hơn mức tăng chung là: Lào Cai (9,47%/năm); Thái Nguyên (9,51%/năm); Bắc Giang (13,87%/năm); Lai Châu (10,21%/năm). Tuy nhiên, một số tỉnh có tốc độ tăng GRDP đạt thấp: Điện Biên (5%/năm); Lạng Sơn (5,06%/năm); Bắc Kạn (5,16%/năm); Cao Bằng (5,51%/năm); Sơn La (5,15%/năm). Năm 2020, Vùng TDMNPB cũng chịu tác động của dịch Covid-19 nên tăng trưởng GRDP của toàn vùng chỉ đạt 6,32% so với năm trước, trong đó Hà Giang chỉ tăng 1,7%; Thái Nguyên tăng 4,7%; Lạng Sơn tăng 3,12%; Điện Biên tăng 2,37%.

Dự báo trong giai đoạn 2021-2030, GRDP của Vùng tăng bình quân 9,7%/năm; trong đó giai đoạn 2021-2025 tăng 9,5%/năm.

2. Sản xuất nông nghiệp

Trong sản xuất lúa gạo, tuy diện tích gieo trồng lúa của vùng không nhiều so với các vùng khác trong cả nước nhưng lại thuận lợi để sản xuất lúa chất lượng cao. Đến nay, trong toàn Vùng đã hình thành được một số vùng sản xuất lúa đặc sản theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, chuyên canh, có thương hiệu sản phẩm, có thể kể đến như: gạo nếp Tú Lệ, gạo Sóng Cù, gạo tẻ nương Mộc Châu, gạo nếp Cẩm... Diện tích gieo trồng lúa của Vùng năm 2020 đạt 665,1 ha, giảm 2,81% so với năm 2015; năng suất đạt 51 tạ/ha, tăng 4,6%; sản lượng đạt 3.391,2 tấn, tăng 1,6%.

3. Sản xuất công nghiệp

Công nghiệp trên địa bàn vùng trong những năm qua phát triển nhanh, khai thác tốt tiềm năng về khai khoáng, thủy điện, chế biến lâm sản, tạo động lực cho chuyển đổi cơ cấu và nâng cao hiệu quả kinh tế. Bình quân trong giai đoạn 2016-2020, một số địa phương có tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp cao là: Lai Châu tăng 35%; Bắc Giang tăng 25,7%; Cao Bằng tăng 19,8%; Lào Cai tăng 17,3%; Thái Nguyên tăng 13,7%; Hòa Bình tăng 9,8%. Một số tỉnh tăng thấp như: Sơn La tăng 1,2%; Tuyên Quang tăng 3,1%; Lạng Sơn tăng 6%.

4. Dịch vụ

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn vùng đạt 247,1 nghìn tỷ đồng, gấp 1,5 lần năm 2015 và bằng 4,9% tổng mức bán lẻ của cả nước. Một số tỉnh có đạt khá trong vùng như: Thái Nguyên 34,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 14% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn vùng; Phú Thọ 32,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,1%; Bắc Giang 30 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,1%; Sơn La 24,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 10%. Tuy nhiên, một số tỉnh đạt thấp: Bắc Kạn 5,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,3%; Lai Châu 5,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,3%; Điện Biên 9.237,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,7%.

5. Phát triển doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2019, toàn Vùng có 26.470 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, gấp 1,6 lần năm 2015 và chiếm gần 4% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh của cả nước. Một số địa phương tập trung nhiều doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh như Bắc Giang có 5.058 doanh nghiệp, chiếm 19,1% tổng số doanh nghiệp toàn vùng; Phú Thọ 4.754 doanh nghiệp, chiếm 18%; Thái Nguyên 3.593 doanh nghiệp, chiếm 13,6%. Ngược lại, Bắc Kạn, Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang có số doanh nghiệp chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số doanh nghiệp toàn vùng (chỉ từ 2% đến 4,4%).

Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2020 đạt 2,7 doanh nghiệp/1000 dân trong độ tuổi lao động, là mật độ thấp nhất so với các vùng khác trên cả nước (Cả nước: 8,3%; đồng bằng sông Hồng 11,1%; Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung 5,3%; Tây Nguyên 3,8%; Đông Nam bộ 18,3%; Đồng bằng Sông Cửu Long 3,4%). Một số địa phương có mật độ doanh

nghiệp trên 1000 dân năm 2020 cao hơn mức chung toàn vùng là: Thái Nguyên 7,8 doanh nghiệp/1000 dân; Phú Thọ 6,2 doanh nghiệp/1000 dân; Bắc Giang 5,2 doanh nghiệp/1000 dân. Một số tỉnh có mật độ doanh nghiệp thấp: Yên Bái 0,9 doanh nghiệp/1000 dân; Lai Châu 0,8 doanh nghiệp/1000 dân; Hòa Bình 1,7 doanh nghiệp/1000 dân.

6. Đầu tư

Trong thời gian qua, các tỉnh trong vùng đã chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư nhà nước, đồng thời tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước để đảm bảo huy động cao nhất các nguồn lực cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Năm 2020, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành toàn Vùng đạt 278.3 nghìn tỷ đồng, gấp 1,2 lần năm 2015. Một số địa phương thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư toàn xã hội cao là: Bắc Giang 59,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,5% tổng vốn đầu tư vào toàn Vùng; Thái Nguyên 41,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,8%; Phú Thọ 30,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,%; Lào Cai 21,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,8%; Sơn La 17,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,2%. Một số địa phương có tỷ lệ vốn đầu tư so với tổng vốn đầu tư toàn vùng thấp như: Bắc Kạn 5,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,9%; Lai Châu 7,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,7%; Cao Bằng 10,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,8%.

Trong những năm 2016-2019, vốn đầu tư nước ngoài vào vùng TDMNPB ngày càng tăng lên. Năm 2019, số dự án đầu tư nước ngoài của toàn Vùng đạt 148 dự án, trong đó Bắc Giang, Phú Thọ và Thái Nguyên thu hút nhiều dự án nhất, tương ứng lần lượt là 80 dự án, 33 dự án và 20 dự án với vốn đăng ký cấp mới là 847,7 triệu USD, 142,1 triệu USD và 366 triệu USD. Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tổng số dự án đầu tư vào Vùng chỉ đạt 79 dự án, giảm 46,6% so với năm 2019; tổng số vốn cấp mới đạt 1.010,6 triệu USD, giảm 27,8%.

7. Du lịch

Tại Diễn đàn, căn cứ vào tài nguyên du lịch tiềm năng và nổi trội, mỗi vùng sẽ được xác định các sản phẩm du lịch chủ đạo. Đối với vùng Trung du và miền núi phía bắc các sản phẩm du lịch chủ đạo bao gồm: Du lịch về nguồn, tham quan

tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, hệ sinh thái núi cao, hàng động; Nghỉ dưỡng núi, nghỉ dưỡng cuối tuần; du lịch thể thao, khám phá; du lịch biên giới gắn với thương mại cửa khẩu. Trong vùng này có rất nhiều điểm nhấn như Điện Biên Phủ, Chiến khu Việt Bắc, An toàn khu Định hóa Thái nguyên, Khu du lịch quốc gia Đền Hùng, công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu Du lịch quốc gia Sa Pa...

Bên cạnh đó, địa hình hiểm trở, phân bậc rõ ràng từ vực thẳm, thung lũng, thác nước cho đến hệ thống núi đá vôi trầm tích được hình thành từ cách đây hàng trăm triệu năm... đã tạo nên một bức tranh sơn thủy tuyệt đẹp, khiến bất cứ ai cũng phải say lòng. Mặt khác, trong khu vực này thì có tới 6 tỉnh chung biên giới với Trung Quốc - thị trường du lịch lớn đã tạo đà cho ngành du lịch nơi đây phát triển. Ngoài ra, khu vực này có gần 30 dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời với phong tục, tập quán, lễ hội, tín ngưỡng riêng và được lưu truyền, gìn giữ từ đời này đến đời khác đã tạo nên một hệ thống văn hóa vô cùng phong phú. Cùng với những di tích lịch sử cách mạng gắn liền với Bắc Hồ, Đảng trong suốt quá trình kháng chiến giữ nước, nơi đây có đầy đủ điều kiện để du lịch phát triển hơn nữa.

Thời gian qua, các hoạt động liên kết nội vùng và ngoại vùng trong lĩnh vực du lịch đã đạt được 1 số kết quả như Liên kết du lịch 8 tỉnh Tây bắc mở rộng, Chương trình du lịch về nguồn kết nối Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Thủ đô kháng chiến kết nối Thái nguyên, Tuyên Quang... Thực hiện theo cơ chế, mỗi năm 1 địa phương làm trưởng nhóm liên kết, các địa phương trong nhóm liên kết đề xuất 1 số hoạt động của địa phương mình và hưởng ứng các hoạt động của địa phương khác trong vùng. Các chương trình này đã có 1 số hoạt động như tham gia ngôi nhà chung tại Hội chợ Du lịch quốc tế tại Hà Nội, quảng bá trên 1 số phương tiện truyền thông, tổ chức chung đoàn khảo sát cho các hãng lữ hành và báo chí... Mỗi năm tổ chức tổng kết 1 lần và chuyển giao nhiệm vụ trưởng nhóm cho địa phương tiếp theo. Các chương trình này đã thu hút được sự vào cuộc của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở các địa phương, các hiệp hội, doanh nghiệp du lịch.

Tuy nhiên, việc liên kết vùng để phát triển kinh tế du lịch cũng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, do phải đối mặt với những tồn tại, hạn chế như: Cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng: chưa rõ ràng, chủ yếu theo cơ chế luân phiên làm trưởng nhóm liên kết, không rõ thẩm quyền vì cùng cấp, thực hiện kiêm nhiệm; Liên kết nhưng hầu như không có hoạt động chung vì việc của tỉnh nào thì tỉnh đó thực hiện và không có nguồn kinh phí chung (theo luật Ngân sách, kinh phí của tỉnh nào thì tỉnh đó quản lý, sử dụng); Liên kết vùng vẫn mang tính hình thức, chưa thấy rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội; Không rõ chức năng điều phối của cơ quan quản lý du lịch ở Trung ương.

III. KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG

Các ý kiến ghi nhận tại Diễn đàn nghi nhận, bên cạnh những kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng TDMNPB đạt được trong thời gian qua, còn tồn tại một số hạn chế cần phải giải quyết.

Theo đó, dù đã có nhiều kết quả tích cực nhưng đây vẫn là vùng nghèo và khó khăn nhất cả nước. Trong lĩnh vực kinh tế, phát triển của các địa phương trong vùng chưa đồng đều. Quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp còn chưa mang tính vùng, chưa đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, hạ tầng kinh tế - xã hội... Cùng với đó, tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp thấp. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp chế biến vẫn ở dạng chế biến thô và gia công. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và đổi mới mô hình sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, hiệu quả thấp.

Quy mô kinh tế còn nhỏ bé, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, tính liên kết thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng còn chậm. Tiềm năng, lợi thế của Vùng chưa được khai thác, phát huy hiệu quả. GRDP bình quân đầu người của toàn vùng còn ở mức thấp so với cả nước. Năm 2020, GRDP bình quân đầu người toàn Vùng đạt 54,2 triệu đồng (GDP bình quân đầu người đạt 64,5 triệu đồng), gấp 1,6 lần năm 2015, tương đương với 2.334 USD và vượt mục tiêu GRDP bình quân đầu

người của vùng đạt 2000 USD vào năm 2020 đặt ra trong Kết luận 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004. Thái Nguyên là tỉnh có GRDP bình quân đầu người năm 2020 lớn nhất trong vùng, đạt 96 triệu đồng, gấp 1,8 lần mức chung toàn vùng; Hà Giang đạt thấp nhất 29,6 triệu đồng, chỉ bằng 54,6%.

Cùng với đó, mặc dù tốc độ tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng vẫn dựa chủ yếu vào tăng vốn đầu tư.

Trình độ của lao động đang làm việc còn ở mức thấp so với toàn quốc, làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc, làm giảm năng suất lao động.

Công tác giáo dục - đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng cao, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, khoảng cách về mức sống của nhân dân chưa được thu hẹp so với các vùng khác.

IV. ĐỀ XUẤT CỦA DIỄN ĐÀN VỚI CHÍNH PHỦ, CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Cũng tại Diễn đàn, với tư duy chủ đạo về vùng và từ thực tế của các địa phương, lãnh đạo các địa phương đã có những đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển vùng dựa trên thế mạnh từng đại phương:

Theo đó, với lợi thế rừng che phủ lớn, lãnh đạo tỉnh Yên Bái cho biết, tỉnh này xác định lâm nghiệp là thế mạnh để phát triển nông nghiệp, trụ cột của nền kinh tế tỉnh. Tận dụng lợi thế rừng để phát triển kinh tế bền vững không chỉ là câu chuyện của Yên Bái mà còn là của cả vùng Trung du và miền núi phía Bắc một vùng được coi là lá phổi xanh của miền Bắc nước ta. Tuy nhiên, cần một chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển kinh tế lâm nghiệp đủ mạnh để tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư.

Với Phú Thọ, để phát huy lợi thế của vùng, thời gian tới tỉnh tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trọng tâm là phát triển kết cấu hạ tầng then chốt, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... nhằm tạo điều kiện nhất cho các thành phần kinh tế, đầu tư và kinh doanh trên địa bàn. Phú Thọ đang phối hợp với các tỉnh bạn tập trung chỉ đạo hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối với hệ thống giao thông quốc gia và các dự án trọng điểm, khu du lịch dịch vụ của tỉnh.

Với Tuyên Quang, lãnh đạo tỉnh này nhấn mạnh Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương cần ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống mạng lưới giao thông kết nối các tỉnh trong vùng. Trong đó, quan tâm hỗ trợ tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Phú Thọ đầu tư hoàn thành đường Cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ kết nối với đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai; bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang...

Với Lào Cai, lãnh đạo tỉnh Lào Cai nhấn mạnh với mục tiêu sớm xây dựng Thành phố Lào Cai trở thành đô thị loại I, Sa Pa trở thành khu du lịch tầm cỡ quốc tế, Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở thành trung tâm logistics của cả nước và Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc theo định hướng của Trung ương, Lào Cai đã thực hiện và đạt được một số tiền đề quan trọng để phát triển trong thời gian tới.

Với Điện Biên, lãnh đạo tỉnh này cho rằng các tỉnh trong vùng tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương để bổ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Coi việc liên kết vùng là phương thức để tạo ra các “cực tăng trưởng” nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, địa phương trong tổng thể nền kinh tế.

Đặc biệt, để Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ phát huy lợi thế và tiềm năng, thoát nghèo và phát triển nhanh, các ý kiến tại diễn đàn nghị nhận thời gian tới, Nhà nước thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

Thứ nhất, thống nhất về tư duy hành động trong phát triển liên kết vùng. Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh và là một trong 6 vùng kinh tế của cả nước nhưng vẫn chỉ là phép cộng cơ học của các địa phương chứ chưa có chuỗi liên kết trong vùng, trong việc hình thành các khu kinh tế và các dự án phát triển chưa có hiệu ứng lan tỏa tốt. Nếu không có liên kết vùng, nội vùng, liên vùng thì tất cả vấn đề liên quan đến phối hợp, phát huy thế mạnh của từng địa phương, từng vùng với nhau sẽ rất khó khăn trong triển khai do thiếu cơ sở pháp lý.

Thứ hai, đó là thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển vùng và từng địa phương ở trong vùng với tư duy chủ đạo về vùng. Tại diễn đàn lần này, định hướng phát triển vùng được chỉ rõ đó là: “Tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn và có chế độ đãi ngộ tốt hơn đối với người trồng rừng, giữ rừng. Phát triển lâm nghiệp bền vững, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển hiệu quả các cơ sở khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản. Phát

triển kinh tế vùng biển, tăng cường quản lý nhà nước, phát huy vai trò kinh tế cửa khẩu. Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước các hồ, đập để điều tiết nước sản xuất và sinh hoạt. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội. Khai thác thế mạnh về bản sắc văn hoá và điều kiện thiên nhiên để đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái”.

Thứ ba, là đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng với trọng tâm là hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng. Cần có sự liên kết giữa các tỉnh để phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc. Vùng trung du và miền núi phía Bắc có địa hình phân tán, chia cắt nên cần có chính sách cụ thể cho từng tỉnh hoặc chuỗi các tỉnh liền kề. Cùng với đó, cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực này vì hiện nay chi phí logistics chiếm trên 30% giá thành nông sản phẩm.

Thứ tư, là có các cơ chế chính sách thu hút đầu tư ứng dụng học công nghệ đào tạo nguồn nhân lực, liên kết phát triển vùng, đặc biệt là cơ chế thể chế điều tiết phát triển vùng, và phát triển những ngành lĩnh vực vừa đảm bảo môi trường sinh thái vừa đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, vừa đảm bảo an ninh quốc phòng. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực tài chính trong đó có nguồn lực đầu tư công, nguồn lực đất đai nước và rừng.

Thứ năm, là nâng cao năng lực cạnh tranh trong vùng thông qua cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao vai trò phát triển của hội doanh nghiệp. Thông tin tại Diễn đàn cho thấy môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo xếp hạng PCI của VCCI của các tỉnh trong khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc cho thấy 1 bức tranh không mấy lạc quan khi đa số các tỉnh được xếp hạng ở nhóm khá và trung bình, có tới 5 tỉnh trong khu vực đứng trong nhóm 10 địa phương có chỉ số PCI thấp nhất cả nước.

Do đó, thời gian tới việc cải thiện môi trường kinh doanh của Vùng cần phải đi vào thực chất, công khai, minh bạch và hiệu quả từ đó tạo tiền đề để thu hút các nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài cũng như các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở trong nước.

Thứ sáu, là cần sớm có mô hình Hội đồng vùng, cùng cơ chế điều hành và một người đứng đầu có đủ trách nhiệm cần thiết để điều hành.

Dù còn đang ở khoảng cách khá xa nhưng hy vọng sau Diễn đàn này, với tư duy về lợi thế của người đi sau cùng các giải pháp chính sách đã được đề xuất được ban hành, Vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ sẽ thoát vùng trũng phát triển,

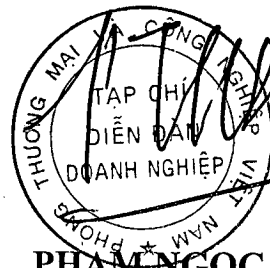
sẽ không còn tụt hậu đi sau... Đồng thời, thời gian tới hi vọng, Vùng cũng sẽ không chỉ đáp ứng được yêu cầu về phát triển kinh tế mà còn tiếp tục đảm bảo được an ninh khu vực biên giới.

Ban tổ chức Diễn đàn "*Đầu tư phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc*" trân trọng báo cáo! ^{tt}

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Tỉnh ủy, UBND các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu VT.

**TỔNG BIÊN TẬP
TẠP CHÍ DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP**



PHẠM NGỌC TUẤN